TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 117/2024/QĐST - HNGĐ	*Thường Tín, ngày 07 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2024/TLST/HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1986.

ĐKNKTT và trú tại: thôn Xâm Xuyên, xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1980.

ĐKNKTT và trú tại: thôn Xâm Xuyên, xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2024;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn T2 tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T1 và anh Nguyễn Ngọc T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau**:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị T1 và anh Nguyễn Ngọc T2 thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Trần Thị T1 và anh Nguyễn Ngọc T2 có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Q, sinh ngày 20/12/2007 và Nguyễn Duy B, sinh ngày 19/11/2012. Vợ chồng tự thỏa thuận giao cháu Nguyễn Duy B cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; giao cháu Nguyễn Trần Q cho anh T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T1, anh T2 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị T1 P tự nguyện nộp cả 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(ba trămm nghìn)* đồng do chị T1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín (Biên lai số 0016263 ngµy 29/5/2024). Chị T1 được hoàn trả lại 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND TP.Hà Nội;*
- *VKSND huyện;*
- *Chi cục thi hành án;*
- *Các đương sự;*
- *Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Bùi Anh Tuấn